

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-3-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện;

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Quang Huy

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Làng B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Lã Văn D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Làng B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản trình bày, biên bản về kiểm tra việ giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh D sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2015. Bước đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 do không đồng quan điểm, không ai chịu nhường nhịn nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Cảm thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Vì vậy, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi với anh D, tôi không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012. Hiện 02 con chung đang sống cùng anh D, ly hôn tôi yêu cầu anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và cháu N, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bản trình bày, bị đơn anh Lã Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2015. Bước đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 do không đồng quan điểm, không ai chịu nhường nhịn nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Cảm thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý, tôi không yêu cầu Tòa án giải đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012. Hiện 02 con chung đang sống cùng tôi, ly hôn chị T yêu cầu tôi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và cháu N, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, tôi đồng ý.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị T vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lã Văn D, yêu cầu anh Lã Văn D nuôi con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lã Văn D vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn đồng ý ly hôn với chị Phan Thị T, chị T yêu cầu anh D nuôi 02 con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh D đồng ý.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- + Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T đối với anh Lã Văn D.

- + Về con chung: Giao con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Lã Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- + Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú; Bản sao giấy khai sinh; Chứng cứ do Tòa án T thập: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản lấy lời khai con chưa thành niên, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lã Văn D. Đơn khởi kiện của chị T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lã Văn D theo giấy xác nhận thông tin về cư trú có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Làng B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Phan Thị T và anh Lã Văn D có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị T và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2023 đến nay chị T và anh D đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Nêu lần tiên hành hòa giải nhưng các bên đương sự không có mặt đầy đủ và có đơn trình bày đồng ý ly hôn, không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì lý do không còn tình cảm vợ chồng, anh D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Do vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012. Hiện cháu G và cháu N đang do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị T và anh D thấy rằng, cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên, con chung là Lã Nguyên G và Lã Phan Thùy N hiện đang ở với anh D có nguyện vọng được ở với anh D, do vậy việc giao con chung là Lã Nguyên G và Lã Phan Thùy N cho anh D trực tiếp chăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Phan Thị T và anh Lã Văn D, tại đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Lã Văn D.

2. Về con chung:

Giao con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Lã Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai T tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006651 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Phan Thị T và anh Lã Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẬT

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiện và ông Nguyễn Ngọc Bình

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 337/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Làng Bò, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Lã Văn D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Làng Bò, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về việc giải quyết vụ án:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

2.1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Lã Văn D;

2.1.2 Về con chung:

Giao con chung là Lã Nguyên G, sinh ngày 24/02/2014 và Lã Phan Thùy N, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Lã Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.2 Về án phí: Buộc chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai T tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006651 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.3 Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T và anh Lã Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 08 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiện Nguyễn Ngọc Bình

Võ Văn Quảng